

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HSST
Ngày: 04-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Quang Khải
2. Ông: Lò Văn Ổn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 04/3/2021, tại phòng xét xử 1, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai V án hình sự thụ lý số: 84/2021/HSST ngày 02/02/2021 theo Quyết định đưa V án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-HS ngày 18/02/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Lò Văn V; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1992; tại: Điện Biên; Nơi ĐKKHKT: Bản H, xã Mường Pồn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Khơ mú; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn M và bà: Cà Thị V; Bị cáo có vợ là: Lò Thị T và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị Tòa án kết tội lần nào. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/11/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: Lò Ngọc T; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1996; tại: Điện Biên; Nơi ĐKKHKT: Bản H, xã Mường Pồn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Khơ mú; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn M và bà: Cà Thị V; Bị cáo có vợ là: Quàng Thị B và 01 người con sinh năm 2017; tiền án: 01 tiền án, bị Tòa án nhân

dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xử phạt 07 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản theo bản án số: 121/2019/HSST ngày 16/8/2019, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính lần nào. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/11/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Quàng Văn T; SN: 1978; địa chỉ: Bản H, xã Mường Pồn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lò Văn Ph; SN: 1972; Địa chỉ: Bản L, xã Mường Pồn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lò Văn V và Lò Ngọc T là hai anh em ruột, do trước đó V có biết anh Quàng Văn T ở cùng bản có một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B2-010.57 để dưới gầm sàn nhà và biết chỗ để chìa khóa xe. Ngày 12/10/2020, khi T và V cùng đi lên rừng lấy củi, V nói với T: Có lấy xe không? T hỏi lại: Xe của ai? V trả lời xe của anh T. T nói: Nếu có chìa khóa thì lấy được. V nói: Chìa khóa để tao lấy, khoảng 12 giờ ngày 14/10/2020, V đi bộ một mình đến nhà anh T, quan sát thấy không có ai ở nhà, V đã lẻn vào nhà lấy chiếc chìa khóa xe mô tô treo ở cột nhà cạnh phòng ngủ, cất giấu trong túi quần bên phải đang mặc và đi về nhà. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, sau khi nhận chiếc chìa khóa xe V đưa, T đi bộ sang nhà anh T thấy chiếc xe mô tô của gia đình anh T để ở dưới gầm sàn nhà, quan sát không thấy có ai, T đã dắt chiếc xe ra ngoài đường và mở cốp xe thấy có 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Quàng Văn Ng. Sau đó, T điều khiển xe về nhà V. Đến 19 giờ cùng ngày, V điều khiển xe mô tô chở T đi về hướng huyện Mường Chà mục đích tìm nơi tiêu thụ. Đi được khoảng 01 km thì trời mưa không đi tiếp được nên V và T giấu chiếc xe mô tô ở bên đường rồi đi bộ về nhà. Khoảng 19 giờ ngày 15/10/2020, T và V, tiếp tục điều khiển xe mô tô, đi tìm chỗ tiêu thụ. Khoảng 02 giờ ngày 16/10/2020, cả hai đi đến lán ruộng của Lò Văn Ph ở gần khu vực giáp ranh giữa bản Huổi Meo và bản Kết Tinh, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Tại đây qua trao đổi, thỏa thuận T và V đã bán chiếc xe mô tô cho Ph với giá 8.700.000 đồng. V giao xe và giấy đăng ký xe cho Ph rồi cầm lấy tiền, cả hai cùng đi bộ về nhà. Số tiền bán xe V đưa cho T 4.000.000 đồng, số tiền này T chi tiêu hết. Số tiền còn lại 4.700.000 đồng, V đã chi tiêu hết 1.700.000 đồng. Còn 3.000.000 đồng sau khi Cơ quan điều tra triệu tập, làm việc V đã tự nguyện giao nộp số tiền trên. Ngày 15/10/2020, sau khi phát hiện bị mất xe, anh T đã nộp đơn trình báo đến Công an xã Mường Pồn, huyện Điện Biên đề nghị giải quyết và cùng Quàng Văn T là người cùng bản đi tìm, đến ngày 11/11/2020 anh T đã gặp Lò Văn Ph và chuộc lại chiếc cùng giấy tờ xe với số tiền 8.700.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 58/KL-ĐG ngày 29/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B2-010.57, xe đã qua sử dụng, giá trị còn lại là: 19.350.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo Lò Văn V và Lò Ngọc T một lần nữa đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản Cáo trạng số: 33/CT-VKSĐB ngày 02/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo Lò Văn V và Lò Ngọc T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa trong lời luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo V, xử phạt bị cáo từ: 01 năm đến 01 năm 03 tháng; áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T, xử phạt bị cáo từ: 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B2-010.57 đã trả cho chủ sở hữu, bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền chuộc xe là: 8.700.000 đồng ngoài ra không yêu cầu gì khác, áp dụng Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự buộc các bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 8.700.000 đồng, theo kỷ phần bị cáo T bồi thường số tiền: 4.000.000 đồng, bị cáo V bồi thường số tiền 4.700.000 đồng, đã thu giữ của bị cáo V là: 3.000.000 đồng, bị cáo V còn phải bồi thường số tiền 1.700.000 đồng. Số tiền 3.000.000 đồng sẽ được tịch thu để đảm bảo cho thi hành án. Các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng, không có ý kiến tự bào chữa cũng như không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về bản Luận tội.

Tại phiên tòa bị hại không có ý kiến gì khác về hành vi phạm tội của các bị cáo, trách nhiệm dân sự bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 8.700.000 đồng, về trách nhiệm hình sự bị hại đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo ngoài xin giảm nhẹ hình phạt các bị cáo không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung V án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ V án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của các bị cáo: Ngày 14/10/2020 các bị cáo Lò Văn V và Lò Ngọc T đã lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 xe mô tô, biển kiểm soát 27B2-010.57 của anh Quảng Văn T có giá trị 19.350.000 đồng mang đi tiêu thụ được 8.700.000 đồng. Hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đã hoàn thành. Với hành vi và giá trị tài sản đã

chiếm đoạt thì các bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[2]. Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội thì hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn huyện Điện Biên nói riêng và tỉnh Điện Biên nói chung. Đây là V án đồng phạm giản đơn giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ với nhau trong việc thực hiện tội phạm. Bị cáo V là người khởi xướng, bị cáo T là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ Điều 58 Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt đối với từng bị cáo. Hành vi của các bị cáo cần phải xử lý trước pháp luật để các bị cáo lấy đó là bài học cho mình đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1]. Đối với bị cáo Lò Văn V: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3.2]. Đối với bị cáo Lò Ngọc T: Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xử phạt 07 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản theo bản án số: 121/2019/HSST ngày 16/8/2019, ngày 25/7/2019 chấp hành xong hình phạt tù đến ngày 14/10/2020 bị cáo phạm tội mới. Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện tội phạm do cố ý căn cứ Điều 70, Điều 53 Bộ luật hình sự bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (tái phạm) theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3.3]. Hội đồng xét xử xét thấy với giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 19.350.000 đồng, bị cáo T chưa được xóa án tích vẫn tiếp tục vi phạm nên cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội và để các bị cáo có điều kiện cai nghiện ma túy. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về hành vi và các Quyết định tổ tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy

định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc có khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thực hiện điều hợp pháp Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự nhưng các bị cáo đều là người nghiện ma túy, thu nhập từ làm ruộng chỉ đủ ăn nên khó có khả năng thi hành, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Về biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự và việc xử lý vật chứng: Nguồn gốc chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B2-010.57 các bị cáo đã chiếm đoạt, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là anh Quảng Văn Ngọc con trai của anh Quảng Văn T. Tài sản trộm cắp đã được Cơ quan Điều tra trả lại cho bị hại. Bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 8.700.000 đồng tiền chuộc xe, xét yêu cầu của bị hại là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền bán xe là 8.700.000 đồng, bị cáo T sử dụng 4.000.000 đồng, bị cáo V sử dụng 4.700.000 đồng. Căn cứ Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại, theo kỷ phần bị cáo T bồi thường số tiền: 4.000.000 đồng, bị cáo V bồi thường số tiền 4.700.000 đồng, đã thu giữ của bị cáo V số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền: 1.700.000 đồng. Tịch thu số tiền 3.000.000 đồng của bị cáo V để đảm bảo cho thi hành án của bị cáo.

[7]. Đối với Lò Văn Ph là người đã mua chiếc xe của T và V, do không biết nguồn gốc chiếc xe do các bị cáo phạm tội mà có, Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý trong V án; số tiền mua xe là 8.700.000 đồng bị hại đã trả cho anh Ph, anh Ph không có đề nghị gì do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, điểm c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 nhưng các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn và tại phiên tòa có ý kiến xin miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường V Quốc hội, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lò Văn V.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lò Ngọc T.

1. T bố: Các bị cáo Lò Văn V và Lò Ngọc T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Xử phạt bị cáo Lò Văn V 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là 13/11/2020.

3. Xử phạt bị cáo Lò Ngọc T 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là 13/11/2020.

4. Về biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự và việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 584, 587, 589; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Quảng Văn T số tiền 8.700.000 đồng. Theo kỹ phân, bị cáo T phải bồi thường số tiền: 4.000.000 đồng, bị cáo V phải bồi thường tiếp số tiền: 1.700.000 đồng.

- Tịch thu số tiền 3.000.000 đồng của bị cáo V để đảm bảo nghĩa V thi hành án của bị cáo.

(Toàn bộ vật chứng của V án đã được cơ quan Điều tra Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/02/2021).

Kể từ ngày anh Tuấn có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho đến khi thi hành án xong, bị cáo còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường V Quốc hội, các bị cáo Lò Văn V và Lò Ngọc T được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/03/2021).

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự biết: Trong tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. Điện Biên;
- VKSND h. Điện Biên; VKSND tỉnh ĐB;
- CQĐT + Nhà tạm giam, giữ h. Điện Biên;
- Bộ phận HSNV Công an h. Điện Biên
- Sở Tư pháp t. Điện Biên +THA H.Sự;
- Chi cục THADS h. Điện Biên;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Thu Hương

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND t. Điện Biên;
- VKSND h. Điện Biên; VKSND tỉnh DB;
- CQĐT + Nhà tạm giam, giữ h. Điện Biên;
- Bộ phận HSNV Công an h. Điện Biên
- Sở Tư pháp t. Điện Biên +THA H.Sự;
- Chi cục THADS h. Điện Biên;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thu Hương

